

BUƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NGOẠI GIAO

INITIAL STUDY OF HO CHI MINH THOUGHT ON DIPLOMACY

HUỲNH THỊ PHƯƠNG THÚY(*)

TÓM TẮT: Hồ Chí Minh là người đặt nền móng xây dựng nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Tư tưởng ngoại giao của Người là sợi chỉ đỏ, kim chỉ nam cho ngoại giao Việt Nam. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả phân tích một số luận điểm nổi bật trong tư tưởng ngoại giao của Hồ Chí Minh, giá trị của nó đối với cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: tư tưởng Hồ Chí Minh; ngoại giao; hợp tác quốc tế.

ABSTRACT: President Ho Chi Minh is the one who laid the foundation for modern Vietnamese diplomacy. His diplomatic ideas are the “red thread” and guideline for Vietnamese diplomacy. In this article, the author analyzes some prominent points in Ho Chi Minh's diplomatic thought and their value to the Vietnamese revolution.

Key words: Ho Chi Minh thought; diplomacy; international cooperation.

1. MỞ ĐẦU

Toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh (1890 - 1969) đã tỏa sáng một trí tuệ lớn, một chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa nhân văn cao cả. Trên lĩnh vực ngoại giao, Người đã sớm vạch ra những định hướng cơ bản trong hoạt động quốc tế cho cách mạng Việt Nam và là người đặt nền móng cho nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Kết hợp hoạt động quốc tế với ánh sáng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua mọi thác ghềnh để đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Ngay trong thời kỳ đầu hình thành đường lối cứu nước, với tác phẩm “Đường cách mệnh”, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận của cách mạng thế giới. Ai làm cách mệnh

trong thế giới đều là đồng chí của nhân dân An Nam” [3, tr.395]. Như vậy, đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại được Hồ Chí Minh vạch ra cùng một lúc với việc hình thành đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, và được phát triển từ những năm tháng chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản. Xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng trải qua những giai đoạn lịch sử đầy biến cố với những thay đổi sâu sắc, lớn lao về nhiều mặt của đời sống quốc tế, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh không ngừng được phát triển và ngày càng toàn diện hơn, thường xuyên được bổ sung, sửa đổi nhiều nét mới mỗi khi cách mạng Việt Nam đứng trước những bước ngoặt thời đại đòi hỏi phải điều chỉnh chiến lược nhằm phục vụ tốt hơn cho mục tiêu cách mạng trong từng giai đoạn lịch sử.

(*) ThS. Trường Đại học Văn Lang, huynhthiphuongthuy@vanlanguni.edu.vn, Mã số: TCKH12-15-2018

2. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của ngoại giao đối với sự nghiệp cách mạng

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, ngoại giao cũng là một mặt trận giữ một vai trò hết sức quan trọng và có mối liên hệ mật thiết với các mặt trận khác như chính trị, quân sự trong mục tiêu chung là phục vụ cách mạng. Quan niệm “mặt trận ngoại giao” được Hồ Chí Minh chính thức đưa ra trong những năm 60. Tuy nhiên, tư tưởng về mặt trận ngoại giao được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ hệ thống những luận điểm về cách mạng giải phóng dân tộc của Người. Theo Người, khi một nước nhỏ phải đối đầu với thế lực đế quốc hùng mạnh hơn thì phải có chiến lược “châu chấu đá xe”, trong đó đường lối đối ngoại và hoạt động ngoại giao có thể và cần phải trở thành vũ khí, và thậm chí cơ quan đối ngoại phải là một binh chủng tiến công quân thù, góp phần đưa cục diện đấu tranh về phía có lợi cho nước nhỏ. Theo quan điểm Hồ Chí Minh, ngoại giao đóng một vai trò quan trọng trong việc chủ động đề xuất phương hướng chiến lược, vận dụng sách lược mềm dẻo, lợi dụng sự khác nhau về lợi ích để phân hóa thế lực thù địch, làm suy yếu từng bộ phận, đi đến cô lập và đánh thắng kẻ thù chính trong từng thời kỳ cách mạng. Vào những giai đoạn quyết định của cuộc cách mạng, ngoại giao phải là một mặt trận quan trọng ngang với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

Để trở thành một mặt trận tấn công có hiệu quả, ngoại giao phải luôn luôn bám sát và liên kết với các mặt trận đấu tranh khác. Đường lối đối ngoại luôn xuất phát từ đường lối chính trị, phục tùng và phục vụ đường lối chính trị. Sức mạnh ngoại giao cũng tùy thuộc vào nội lực của quốc gia. “*Thực lực là cái chiêng mà ngoại*

giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn” [6, tr.126]. Với mặt trận quân sự, ngoại giao cũng có sự liên hệ chặt chẽ. Tại Hội nghị ngoại giao năm 1964 và năm 1966, Hồ Chí Minh cho rằng, “*cố nhiên ngoại giao là rất quan trọng, nhưng cái vốn chính là mình phải đánh thắng và mình phải có sức mạnh thì ngoại giao sẽ thắng*”, “*Bây giờ trong nước ta cứ đánh cho thắng, thì ngoại giao dễ làm theo*” [9, tr.165]. Muốn ngoại giao thắng lợi, trước hết ta phải biểu dương lực lượng của mình, coi việc xây dựng thực lực chính trị, kinh tế, quân sự bên trong là nhân tố quan trọng, tạo thế mạnh cho đấu tranh trên mặt trận đối ngoại. Và ngược lại, thắng lợi ngoại giao cũng sẽ tạo những tiền đề cần thiết để phát triển thực lực cách mạng trong nước. Tại cuộc họp Bộ Chính trị bàn về chủ trương đàm phán ở Hội nghị Giơ-ne-vơ (5-1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra phương châm hành động của ta trong thời kỳ mới là: Một mặt mở mặt trận đấu tranh trên bàn hội nghị để đi đến một giải pháp hoàn chỉnh đình chỉ chiến sự trên toàn bán đảo Đông Dương đi đôi với một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam, vấn đề Lào và vấn đề Campuchia trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước. Một mặt tích cực chinh đồn lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh quân sự hỗ trợ cho đấu tranh ngoại giao. Người nói: “*Ta kháng chiến, ta đàm phán cũng đều nhằm một mục đích giành độc lập, thống nhất thật sự cho dân tộc. Hiện nay, súng ở trên mặt trận bắn càng nhiều, càng trúng địch chừng nào thì trên bàn họp Giơ-ne-vơ ta lại càng thêm lợi thế chính trị chừng ấy*” [12, tr.486].

Vận dụng mối quan hệ giữa ngoại giao và quân sự, trên đà thắng lợi từ chiến trường chống Mỹ, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 13, Khóa III (tháng 1-1967) đề ra chủ

trương đầy mạnh đấu tranh ngoại giao, xác định “đấu tranh quân sự và chính trị ở miền Nam là nhân tố quyết định giành thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường mà trong tình hình quốc tế hiện nay, với tính chất cuộc đấu tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động” [2, tr.174]. Tháng 5-1969, trước khi đoàn đàm phán Việt Nam sang Pháp tham dự Hội nghị Pari, Bác đã căn dặn: *“Tiến công ngoại giao là một mặt tiến công quan trọng có ý nghĩa chiến lược lúc này. Nó có nhiệm vụ phát huy thế thắng và thế chủ động của ta, tiến công một kẻ địch đang thất bại, bị động về mọi mặt và phải xuống thang; phát huy thắng lợi quân sự và chính trị trên chiến trường quốc tế; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ lớn nhất của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ; nắm vững thời cơ, phối hợp với tiến công quân sự và tiến công chính trị, tiến công liên tục và sắc bén, kiên trì nguyên tắc, khéo vận dụng sách lược, vừa kiên quyết vừa linh hoạt, buộc Mỹ phải rút quân và nhận một giải pháp chính trị đáp ứng yêu cầu cơ bản của ta”* [9, tr.167]. Chính nhờ sự phối hợp chặt chẽ với quân sự và chính trị mà ngoại giao đã có nhiều đóng góp tích cực trong việc tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ của bè bạn quốc tế, phục vụ cho những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng trong từng giai đoạn lịch sử.

2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc trong hoạt động ngoại giao

Trong toàn bộ những quan điểm của Hồ Chí Minh, hoạt động ngoại giao nhằm hợp tác và mở rộng hợp tác quốc tế bao giờ cũng

phải gắn liền với độc lập tự chủ, tự lực tự cường của dân tộc, đó chính là nguyên tắc “dĩ bất biến”. Độc lập dân tộc là nguyên lý cơ bản, luận điểm trung tâm của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam nói chung và đấu tranh ngoại giao nói riêng. Hồ Chí Minh khẳng định các quyền dân tộc cơ bản và luôn nhấn mạnh độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất quốc gia là những vấn đề có liên quan chặt chẽ với nhau. Trải qua từng thời kỳ lịch sử, chiến lược và mục tiêu cách mạng có khác nhau, cách xử lý những vấn đề quan hệ quốc tế cũng khác nhau nhưng độc lập dân tộc là lý tưởng nhất quán của Người.

Hoàn cảnh đất nước sau Cách mạng tháng Tám gặp vô vàn những khó khăn, thử thách, chính quyền còn non trẻ nhưng cùng lúc lại phải đối phó với thù trong, giặc ngoài, vận mệnh dân tộc đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Để bảo vệ thành quả của cách mạng, tránh cục diện đối đầu với nhiều kẻ thù nguy hiểm, Hồ Chí Minh chủ trương nhân nhượng với quân Tưởng và tiến hành hòa hoãn, đàm phán với Pháp. Tuy nhiên, nguyên tắc độc lập về chủ quyền vẫn luôn được đảm bảo. Tại Hà Nội trong hai ngày 16-1 và 21-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có cuộc trao đổi với Mác Andorê, đặc phái viên của Bộ trưởng Bộ quân lực Pháp. Trong cuộc gặp này, Người thể hiện rõ lập trường của chính phủ Việt Nam: Việt Nam sẵn sàng hợp tác với nhân dân Pháp, nhưng phải hợp tác trên tinh thần bình đẳng và mong muốn phía Pháp phải công nhận nền độc lập của Việt Nam; Chính phủ Việt Nam phải là chính phủ làm chủ nước mình, Việt Nam phải có một nền hành chính, nền kinh tế, một hệ thống tài chính và một quân đội riêng. Quan điểm ngoại giao của Hồ Chí

Minh là sẵn sàng thương lượng để chấm dứt chiến tranh trên cơ sở Pháp phải tôn trọng độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, tránh sự hy sinh, đổ máu cho cả hai phía, đồng thời tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các nước, các dân tộc trên thế giới đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt Nam. Trong một bức thư gửi tướng Loclec nhân dịp đầu năm mới 1947, Hồ Chí Minh trình bày rõ: *“Chúng tôi đã nhất quyết ở trong khối Liên hiệp Pháp, cộng tác thành thực với nước Pháp và tôn trọng quyền lợi kinh tế, văn hóa Pháp trong nước chúng tôi. Nhưng chúng tôi cũng quyết chiến đấu tới cùng cho độc lập và thống nhất quốc gia”* [5, tr.6]. Chính sách đối ngoại của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Hồ Chí Minh tuyên bố trước nhân dân toàn thế giới: *“Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam. Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới”* [6, tr.7-8]. Tháng 6-1955, trong chuyến thăm Trung Quốc, Người khẳng định, *“nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt mọi quan hệ thân thiện hợp tác với bất kỳ một nước nào trên nguyên tắc: tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi và chung sống hòa bình”* [7, tr.5].

Nguyên tắc bình đẳng, tự chủ được Hồ Chí Minh quán xuyên sâu sắc không chỉ trong quan hệ với các nước lớn mà còn thể hiện trong hoạt động đối ngoại với các nước láng giềng anh em. Hội nghị cán bộ về công

tác giúp đỡ Lào và Campuchia ngày 15-2-1949 đề ra bốn phương châm của công tác quốc tế với các nước bạn: 1) Không đứng trên lợi ích Việt Nam mà làm công tác Lào - Miên; 2) Nắm vững nguyên tắc dân tộc tự quyết, do Lào, Miên tự quyết định lấy; 3) Không đem chủ trương, chính sách, nguyên tắc của Việt Nam ứng dụng vào Lào, Miên như lắp máy; 4) Cần giúp đỡ Lào, Miên để bạn tự làm lấy. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng yêu cầu bộ đội tình nguyện Việt Nam tôn trọng chủ quyền, phong tục tập quán và kính yêu nhân dân nước bạn.

Quan điểm về ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thể hiện ở việc hoạch định phương hướng chính sách đối ngoại dựa trên cơ sở tinh thần đoàn kết, hữu nghị và hợp tác, phù hợp với những chuẩn mực quốc tế, đồng thời đảm bảo có sự hài hòa về lợi ích giữa các quốc gia. Mặc dù xác định đường lối kháng chiến của nhân dân là tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính nhưng Hồ Chí Minh chống lại sự biệt lập và chủ nghĩa biệt phái. Trong hai cuộc kháng chiến chống sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân, mục tiêu của đoàn kết và hợp tác quốc tế nhằm tập hợp lực lượng bên ngoài, làm tăng thêm tiềm lực cho ta, tạo điều kiện làm chuyển biến so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng. Để chiến thắng những kẻ thù mạnh hơn mình gấp nhiều lần trong bối cảnh thời đại mới, Người luôn chủ trương tăng cường đoàn kết, tranh thủ sự hợp tác quốc tế và coi đây là một vấn đề có tầm chiến lược hàng đầu trong đường lối cách mạng Việt Nam.

Bên cạnh việc nhấn mạnh tinh thần đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh cũng chủ trương mở rộng hợp tác với các nước có chế độ chính trị – xã hội khác nhau. Người khẳng định Việt Nam sẵn sàng

tăng cường, mở rộng các quan hệ kinh tế thương mại thế giới, kể cả với các nước tư bản như Pháp, Nhật,... tiếp thu những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật để phát triển lực lượng sản xuất của đất nước. Ngay trong hoàn cảnh đất nước sau khi giành được chính quyền cách mạng với vô vàn những khó khăn, thử thách, Hồ Chí Minh đã tính đến việc tranh thủ hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, kể cả của các nước đế quốc để xây dựng đất nước và đồng thời tranh thủ sự ủng hộ bên ngoài đối với nền độc lập dân tộc của Việt Nam. Ngày 1-11-1945, nhân danh Hội văn hóa Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Ngoại trưởng Mỹ G.Biécơ và đề nghị “*được gửi một phái đoàn khoảng năm mươi thanh niên Việt Nam sang Mỹ với ý định một mặt thiết lập những mối quan hệ văn hóa thân thiết với thanh niên Mỹ, và mặt khác để xúc tiến việc tiếp tục nghiên cứu về kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác, ... tha thiết mong muốn tạo được mối quan hệ với nhân dân Mỹ là những người mà lập trường cao quý đối với những lý tưởng cao thượng về công lý và nhân bản quốc tế, và những thành tựu kỹ thuật hiện đại của họ đã có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với giới trí thức Việt Nam*” [4, tr.80-81].

Trong phiên họp Chính phủ ngày 23-11-1945, khi bàn về chương trình kinh tế, Hồ Chí Minh đã nêu lên ý tưởng về hợp tác kinh tế đối ngoại dựa trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, lấy kinh tế phục vụ chính trị. “Ngoại giao và kinh tế có ảnh hưởng lẫn nhau. Nếu mình có một chương trình kinh tế có lợi cho người ngoại quốc, họ có thể giúp mình” [10, tr.72]. Tháng 12-1946, Hồ Chí Minh đã gửi thư cho những người đứng đầu các nước Anh, Trung Quốc, Mỹ, Liên Xô và tổ chức Liên hiệp

quốc nêu rõ chủ trương của Việt Nam thực hiện chính sách mở cửa và hợp tác, mời các nhà đầu tư đưa công nghệ tiên tiến của nước ngoài vào hoạt động kinh doanh ở Việt Nam. Người nói rõ: “*Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hội nhập trong mọi lĩnh vực. Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng cửa các cảng, sân bay và các đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hiệp quốc*” [4, tr.470].

Trước đó, trong cuộc họp báo ở Pari cho cuộc thương lượng Việt - Pháp vào ngày 12-7-1946, Hồ Chí Minh đưa ra những lý lẽ có lý có tình thể hiện rõ lập trường của mình: “*Tôi tin nước Pháp mới, ... Chúng tôi không muốn đẩy người Pháp ra khỏi Việt Nam. Nhưng chúng tôi nói với họ: các người hãy phải đến nước chúng tôi những kỹ sư, những nhà khoa học, những vị giáo sư, phải đến những người biết yêu chuộng chúng tôi. Nhưng chớ phải qua những người họ muốn bóp cổ chúng tôi. Việt Nam cần nước Pháp. Nước Pháp cũng cần Việt Nam. Chỉ có lòng tin cậy lẫn nhau và sự cộng tác bình đẳng, thật thà, thì mới đi đến kết quả thân thiện giữa hai nước*” [4, tr.369]. Trả lời một nhà báo nước ngoài ngày 22-6-1947 về chương trình kiến thiết Việt Nam sau chiến tranh, Hồ Chí Minh bày tỏ “*rất hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản các nước công tác thật thà với chúng tôi*” [11, tr.99]. Ngày 5-10-1959, khi trả lời nhà báo Nhật Bản về quan hệ Việt – Nhật, Người khẳng định chính sách mở cửa của Việt Nam và sẵn sàng phát triển quan hệ kinh tế với Nhật Bản

cũng như với các nước khác trên tinh thần bình đẳng, hai bên cùng có lợi. Người nói rõ: *“Chúng tôi cần nhiều dụng cụ, máy móc và hàng hóa của các nước, trong đó tất nhiên kể cả nước Nhật Bản, ... Quan hệ buôn bán giữa nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Nhật Bản, nếu được cải thiện, có nhiều triển vọng tốt đẹp, có lợi cho nhân dân cả hai nước chúng ta”* [8, tr.524].

Cùng với chủ trương xây dựng mối quan hệ quốc tế với các nước dựa trên lợi ích kinh tế của đôi bên, trong suốt chặng đường chiến đấu của mình, Hồ Chí Minh luôn nêu cao ngọn cờ hòa bình và hữu nghị, luôn làm rõ những cố gắng hòa bình của ta và luôn tìm cách phát triển tình hữu nghị với nhân dân các nước đối địch. Người luôn lấy hòa bình, hữu nghị và đạo lý làm tiêu chí để phân biệt bạn thù, phân biệt dân tộc với bọn phản động, hiếu chiến trong chính phủ của đối phương. “Nước Việt Nam mong muốn duy trì quan hệ hữu nghị với người Pháp” là thông điệp mà Người muốn gửi đến đất nước Pháp. Với tinh thần ấy, ngày 23-12-1946, thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện đến Thủ tướng Pháp Lê-ông Blum bày tỏ lòng mong muốn hòa bình và kêu gọi chính phủ Pháp đừng để chiến tranh tiếp diễn. Người nói rõ: Chúng tôi “rất mong muốn giữ vững hòa bình và thi hành thành thực những thỏa hiệp đã ký kết, ...” và “mong sẽ nhận được lệnh các nhà chức trách Pháp ở Hà Nội phải rút quân đội về những vị trí trước ngày 17-12 và phải đình chỉ những cuộc hành binh mệnh danh là tảo thanh, để cho cuộc xung đột chấm dứt ngay” [4, tr.487]. Trong những ngày đầu năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi nhiều thư, điện cho Chính phủ, Quốc

hội và nhân dân Pháp nêu rõ thiện chí hòa bình, mong muốn chấm dứt chiến tranh của Chính phủ và nhân dân Việt Nam. Nhân dịp đầu năm mới 1947, nhân danh Chính phủ, quốc dân Việt Nam và cá nhân, Hồ Chí Minh đã gửi thư chúc Chính phủ và quốc dân Pháp một năm mới tốt đẹp. Đồng thời, trong thư Người giải thích cho quốc dân Pháp hiểu rằng *“chúng tôi không thù hằn gì dân tộc Pháp. Chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu, chống bọn thực dân phản động đang mưu mô xé cắt Tổ quốc của chúng tôi, đưa chúng tôi vào vòng nô lệ và gieo rắc sự chia rẽ giữa hai dân tộc Pháp và Việt. Nhưng chúng tôi không chiến đấu chống nước Pháp mới và quốc dân Pháp, chúng tôi lại muốn hợp tác thân ái”* [5, tr.3]. Để tranh thủ tình cảm hữu nghị của nhân dân Pháp, trong nhiều dịp, Hồ Chí Minh bày tỏ những tình cảm hữu nghị thân thiện với nước Pháp. Người khẳng định, mình là người bạn thủy chung của nhân dân Pháp. Trả lời thư của bà Sốtxi, đại diện Hội liên hiệp phụ nữ Pháp, Hồ Chí Minh đã gửi những lời tâm huyết tới tất cả phụ nữ Pháp có người thân đang làm quân dịch ở Đông Dương. Có thể coi những lời này là chủ trương cơ bản của Người từ trước đến nay đối với nhân dân các nước có xung đột với ta. Người viết: “Nếu những thanh niên Pháp đến Việt Nam như những công nhân, kỹ thuật viên, hoặc những nhà bác học thì tôi xin đảm bảo với các bà rằng họ sẽ được đón tiếp nồng nhiệt như những người bạn, những người anh em, ... Theo tinh thần bốn bể là anh em, tôi yêu mến thanh niên Pháp cũng như thanh niên Việt Nam. Đối với tôi sinh mệnh của người Pháp hay sinh mệnh của người Việt Nam đều đáng quý như nhau. Tôi thành thực mong thanh niên Pháp và thanh niên Việt Nam

hiểu biết lẫn nhau và yêu mến nhau như anh em” [4, tr.302-303]. Về mối quan hệ giữa hai nước Việt - Pháp trong tương lai, Người nói: *“Hai nước sẽ hợp tác trên lập trường huynh đệ và bình đẳng”* [6, tr.93].

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã phấn đấu không mệt mỏi cho việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, xây dựng tình đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng và dân chủ, thúc đẩy quan hệ quốc tế hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia, nhằm bảo vệ hòa bình và củng cố độc lập dân tộc. Mặt khác, Người kiên quyết đấu tranh chống chiến tranh xâm lược, cường quyền và áp đặt trong quan hệ quốc tế cũng như mọi hành động can thiệp và xâm phạm lợi ích chính đáng của các dân tộc. Với tinh thần xuyên suốt đó, ngày 18-2-1946, trong Công hàm gửi chính phủ các nước: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và Anh, Hồ Chí Minh khẳng định lại bốn phận của chúng ta cùng các nước lớn bắt tay vào xây dựng lại thế giới, nhằm đặt ra ngoài vòng pháp luật vô thời hạn, một mặt là chiến tranh, áp bức, bóc lột và mặt khác là bần cùng khiếp sợ và bất công. Người khẳng định việc đưa vấn đề Đông Dương ra bàn bạc tại Liên hiệp quốc sẽ cho phép chúng ta hợp tác với các quốc gia khác trong việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn và một nền hòa bình bền vững. Người nhấn mạnh những nguyện vọng đó là chính đáng vì sự nghiệp hòa bình trên thế giới phải được bảo vệ.

Với đường lối ngoại giao luôn coi trọng tình hữu nghị thân ái, tinh thần đoàn kết quốc tế giữa các quốc gia dân tộc, ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh đã thiết lập mối quan hệ hữu nghị với nhiều nước trên thế giới, trong đó có cả những nước có chế độ

chính trị - xã hội đối lập với ta. Chủ trương của Hồ Chí Minh là thiết lập nền ngoại giao theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.

Trước hết, chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta rất chú trọng đến mối quan hệ với Liên Xô và Trung Quốc cũng như là các nước xã hội chủ nghĩa khác. Cả Liên Xô và Trung Quốc đều tuyên bố công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chấp nhận thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta. Tháng 4-1951, Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập ở Bắc Kinh và tháng 2-1952, Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bắt đầu hoạt động ở Mát-xcơ-va. Mặt khác, từ sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp Stalin, Liên Xô đã chủ động phối hợp với Việt Nam trong tuyên truyền, vận động quốc tế, đề cao cuộc kháng chiến của Việt Nam. Tháng 9-1952, Liên Xô phủ quyết đề nghị của chính quyền Bảo Đại xin gia nhập Liên hiệp quốc; tỏ ý ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nêu yêu cầu trở thành thành viên của tổ chức này. Liên Xô luôn khẳng định ở Việt Nam hiện nay chỉ có Chính phủ Hồ Chí Minh là Chính phủ hợp pháp duy nhất của nhân dân Việt Nam. Tiếp theo Trung Quốc và Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác lần lượt tuyên bố công nhận và sẵn sàng lập quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: Cộng hòa Nhân dân Triều Tiên (31-1-1950), Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc (2-2-1950), Cộng hòa Dân chủ Đức (2-2-1950), Cộng hòa Nhân dân Rumania (3-2-1950), Cộng hòa Nhân dân Ba Lan (4-2-1950), Cộng hòa Nhân dân Hunggari (4-2-1950), Cộng hòa Nhân dân Bunggari (8-2-1950), Cộng hòa Nhân dân Anbani (13-3-1950).

Bên cạnh đó, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, cách mạng Việt Nam bị bao vây

từ nhiều phía, thực hiện phương châm “thêm bạn, bớt thù”, cùng với việc tích cực xúc tiến xây dựng mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta chủ trương chủ động mở rộng quan hệ thân thiết với các nước khác trong khu vực châu Á. Đây là một hướng đột phá quan trọng nhằm nối liền cách mạng nước ta với phong trào cách mạng thế giới. Ngày 13-1-1947, trong thư gửi lãnh tụ và toàn thể nhân dân Trung Hoa, Miến Điện và toàn Á Đông, nhân dân Pháp và các dân tộc thuộc địa Pháp, các nhân sĩ dân chủ toàn thế giới, thay mặt nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh đã bày tỏ lòng cảm ơn đến các nước đã “lên tiếng ủng hộ chính nghĩa và tỏ đồng tình với cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam” và kêu gọi “vì nhân đạo, vì chính nghĩa, vì hòa bình chung và lợi ích chung, nhân dân Việt Nam mong các vị giúp đỡ mọi phương diện” [5, tr.22-23]. Mọi cố gắng quan trọng về ngoại giao của Hồ Chí Minh thời kỳ này là mở đột phá ở phía tây nam, thiết lập quan hệ trực tiếp với các nước Đông Nam Á và từ địa bàn này mở rộng tiếp xúc, tuyên truyền quốc tế, phát triển ngoại giao nhân dân, tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Vào khoảng cuối năm 1946, đầu năm 1947, Chính phủ Việt Nam đã thiết lập được quan hệ với Thái Lan và đặt cơ quan đại diện của mình tại Băng Cốc. Qua cơ quan đại diện của Chính phủ đặt tại Băng Cốc, Hồ Chí Minh đã nhiều lần cử đặc phái viên của Chính phủ đi thăm viếng và tiếp xúc với các giới lãnh đạo của một số nước Đông Nam Á và Nam Á như Ấn Độ, Miến Điện, Indônêxia,...

Tháng 2-1948, ngay sau khi Miến Điện tuyên bố độc lập, Chính phủ Việt Nam đã cử

cán bộ ngoại giao tới Răng-gun lập cơ quan đại diện, với sự giúp đỡ cơ sở vật chất của chính phủ Miến Điện và được hưởng các quy chế ngoại giao, ở đây ta cũng lập được một phòng thông tin. Cơ quan đã có điện đài để liên hệ với Việt Bắc, nhờ đó trong nước có được những thông tin về tình hình quốc tế.

Trong những năm 1947 – 1949, thông qua các cơ quan đại diện ở nước ngoài, với sự giúp đỡ của Chính phủ và các đoàn thể sở tại, Chính phủ ta đã cử đại biểu tham gia nhiều hội nghị quốc tế và khu vực. Ta cũng đã lập được cơ quan thông tin tại các trung tâm, thành phố lớn của các nước như Pari, Luân Đôn, Niu-ooc, Niu Đêli, Răng-gun, Băng Cốc, Xin-ga-po, Hồng Công,... Thông qua các cơ quan thông tin, những tin tức, hình ảnh của cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta, và lập trường chính nghĩa của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được truyền đi khắp thế giới. Điều này cho thấy, Hồ Chí Minh và Đảng ta rất tích cực, chủ động hoạt động đối ngoại, bên cạnh những hoạt động ngoại giao Nhà nước mang tính chất truyền thống. Chính phủ đã cử nhiều đoàn đại biểu đi dự các hội nghị: Hội nghị thanh niên châu Á ở Can-cut-ta (2-1948), Hội nghị Thanh niên cần lao quốc tế ở Ba Lan (8-1948), Hội nghị liên hiệp công đoàn thế giới ở Milan (6-1949), tham dự Tuần lễ sinh viên thế giới lần thứ hai ở Bu-đa-pét (8-1949),... Các đoàn đại biểu của ta đã mang lập trường chính nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh tới diễn đàn các hội nghị, góp phần nâng cao vị thế quốc tế của nước ta.

Trên cơ sở những thắng lợi đạt được, ngày 22-11-1948, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chính thức gửi đơn xin gia nhập tổ chức Liên hiệp quốc và tòa án quốc tế. Ngày 29-3-1949, ta lại nhắc lại một lần

nữa việc ta xin gia nhập Liên hiệp quốc trước dư luận thế giới, tỏ rõ thế chủ động trong hoạt động ngoại giao bảo vệ địa vị hợp pháp của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3. KẾT LUẬN

Tư tưởng ngoại giao rộng mở, linh hoạt, mềm dẻo có nguyên tắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những hoạt động ngoại giao trực tiếp của Người đã để lại dấu ấn sâu đậm và đặt nền móng cho nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, ngoại giao Việt Nam không ngừng lớn mạnh và phát triển, có nhiều đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng, cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước,

cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ở bất cứ giai đoạn lịch sử nào, dù phải đối mặt với bao khó khăn gian nguy, với sự nỗ lực hết sức mình của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngoại giao góp phần quan trọng đưa con thuyền cách mạng vượt qua mọi thác ghềnh, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, mặt trận ngoại giao đã phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả với mặt trận quân sự, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, hòa bình và chính nghĩa, tranh thủ được sự ủng hộ quý báu của các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè yêu chuộng hòa bình và tiến bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 28, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Dy Niên (2008), *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10] Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin (1993), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [11] Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin (1993), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [12] Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin (1993), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 06-6-2018. Ngày biên tập xong: 04-9-2018. Duyệt đăng: 28-11-2018